

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:** Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vương P, sinh năm 1981 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Kiều Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp 9, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Vương P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Vương P và anh Kiều Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã PM, huyện DMC, tỉnh TN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ngoại tình, coi thường vợ con, không có trách nhiệm với con cái, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, đập phá đồ đạc trong nhà, mặc dù nhiều lần tha thứ nhưng anh T không thay đổi mà đến đầu năm 2018 bỏ ra ngoài sống với người phụ nữ khác. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và chị P có hai người con chung tên Kiều Thị Mỹ C, sinh ngày 22/5/2001 và Kiều D, sinh ngày 02/12/2007. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung mà không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T và chị P có 01 căn nhà cấp 4 tại tổ 5, ấp 9, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước và 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius và 01 chiếc ghe đánh cá nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P và anh T không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kiều Văn T không trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đầy đủ còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Kiều Văn T và chị Vương P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị P được ly hôn với anh T. Đối với con chung thì chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và hiện cả hai con đang ở chung với chị P, chị P có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con còn anh T thu nhập không ổn định nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Chị Vương Phụng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Kiều Văn T có nơi cư trú tại tổ 5, ấp 9, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và giải thích quy định của pháp luật về quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng anh Kiều Văn T không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến bằng văn bản cũng như né tránh không cung cấp địa chỉ hiện tại để Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, ủy thác tư pháp theo quy định nên Tòa án xác định anh T trốn tránh để tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Kiều Văn Thế không trình bày về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng căn cứ vào lời khai của chị Vương P và kết quả xác minh tại Ban điều hành ấp 9, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước có căn cứ xác định chị Vương P và anh Kiều Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã PM, huyện DMC, tỉnh TN theo giấy chứng nhận kết hôn số 66-TP quyền số 01-2000 ngày 30/11/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt và ngoại tình, không lo cho gia đình, vợ con, đến cuối năm 2017 thì bỏ ra ngoài chung sống với người phụ nữ khác. Nhận thấy, anh T hiện chung sống với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình vợ con, sau khi chị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T cũng không có hành động thể hiện sự níu kéo hay mong muốn hàn gắn gia đình cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Anh Kiều Văn T và chị Vương Phụng có hai người con chung tên Kiều Thị Mỹ C, sinh ngày 22/5/2001 và Kiều D, sinh ngày 02/12/2007, hiện hai cháu đang ở cùng chị P, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi trưởng thành mà không yêu cầu anh Thế phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy các cháu C và D đang ở chung với chị P và anh T bỏ đi không rõ địa chỉ, anh T cũng không yêu cầu được nuôi con, cũng như yêu cầu của chị P phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu nên yêu cầu của chị P được chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh Kiều Văn T không có ý kiến và chị Vương P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị P, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ án khác khi có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nợ chung: Anh Kiều Văn T không trình bày ý kiến và chị Vương P xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Chị Vương P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227 và 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 45, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Vương P, tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương P, sinh năm 1981 được ly hôn với anh Kiều Văn T, sinh năm 1980; cùng trú tại tổ 5, ấp 9, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận kết hôn số 66-TP quyền số 01-2000 ngày 30/11/2000 của Ủy ban nhân dân xã PM, huyện DMC, tỉnh TN không còn giá trị pháp lý.

[2]. Về con chung: Giao hai con chung tên Kiều Thị Mỹ C, sinh ngày 22/5/2001 và Kiều D, sinh ngày 02/12/2007 cho chị Vương P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi mà anh Kiều Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh T và chị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vương P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004560 ngày 01 tháng 3 năm 2018.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Vương P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể tuyên án; anh Kiều Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã PM, huyện DMC, tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Nhum